

Bản án số: 38/2021/DS - PT

Ngày: 30 – 6 – 2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Hiếu

Các Thẩm phán: Ông Trương Chí Trung

Ông Vũ Việt Dũng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Duy Đức, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng:*** Bà Lương Thị Chung, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 18/2021/TLPT-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2021/DS – ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/2021/QĐXXPT – DS ngày 01 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 32/2021/QĐPT-DS ngày 22 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

– *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954.

Địa chỉ: số đường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

– *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1964.

Địa chỉ: phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

– *Người kháng cáo:* Bà Huỳnh Thị N, là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 24/6/2020, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Ngày 11/01/2019 bà có cho Bà Huỳnh Thị N vay số tiền 100.000.000đ và vào ngày 19/01/2019 cho vay số tiền 30.000.000đ, Bà N hẹn sau thời gian 03 tháng sẽ trả. Quá hạn nhưng Bà N không trả. Bà yêu cầu Tòa án buộc Bà Huỳnh Thị N phải trả cho bà số tiền 130.000.000đ và lãi 0,8%/tháng kể từ ngày Tòa án thụ lý đến khi Bà N trả xong khoản nợ. Tại phiên tòa sơ thẩm Bà H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Bà N trả số tiền vay 130.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn Bà Huỳnh Thị N: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Bà N đã được tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, Bà N không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia phiên tòa.

** Với nội dung vụ án như trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2021/DS – ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng quyết định:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị H đối với Bà Huỳnh Thị N. Tuyên xử:

[1] Buộc Bà Huỳnh Thị N phải trả cho Bà Nguyễn Thị H số tiền 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng).

[2] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

* Ngày 18/2/2021, Bà Huỳnh Thị N có đơn kháng cáo ghi ngày 17/2/2021, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm bản án sơ thẩm vì lý do sau:

Vi phạm tố tụng: Bà N không nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án số: 59/TB – TLVA ngày 08/7/2020; Ngày 08/01/2021 mới đưa vụ án ra xét xử là vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Vi phạm về nội dung: Theo hợp đồng vay tiền lãi suất là không phần trăm nhưng Bà H yêu cầu Bà N đã trả cho Bà H số tiền lãi mỗi tháng là 6.500.000đ x 8 tháng = 52.000.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc Bà N phải trả cho Bà H số tiền 130.000.000đ là trái pháp luật.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà N giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Bà H phản đối nội dung trình bày của Bà N nêu tại đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của Bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện ngày 24/8/2020, Bà Nguyễn Thị H yêu cầu lãi chậm trả đối với số tiền nợ gốc. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, trước khi đưa ra xét xử, Bà H đã rút phần yêu cầu khởi kiện này. Cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 5, 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Đối với nội dung kháng cáo của Bà N về việc không nhận được Thông báo thụ lý vụ án số: 59/TB – TLVA ngày 08/7/2020. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho Bà N qua dịch vụ bưu chính và giao trực tiếp cho con gái Bà N là bà Đặng Thị N vào ngày 13/7/2020 (BL 27, 29) phù hợp với quy định tại các Điều 173, 174, 175, 177 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Theo đơn kháng cáo và trình bày tại phiên tòa phúc thẩm Bà N đã nhận được các văn bản tố tụng khác của Tòa án cấp sơ thẩm nêu rõ nội dung khởi kiện của Bà H được Tòa án thụ lý giải quyết. Việc Bà N không có văn bản trình bày, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho Tòa án là vi phạm nghĩa vụ tại Điều 70, khoản 2, 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định gia hạn số: 12/2020/QĐST – DS ngày 08/11/2020, gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử 02 tháng, kể từ ngày 08/11/2020. Ngày 08/01/2021, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do vậy, nội dung kháng cáo của Bà N về việc Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[3] Đối với kháng cáo của Bà N về việc đã trả cho Bà H được 52.000.000đ:

[3.1] Căn cứ trình bày của bà N tại phiên tòa phúc thẩm và các Hợp đồng vay tiền được Văn phòng công chứng Nguyễn Hải Sâm công chứng số 649 ngày 11/01/2019 và công chứng số 1204 ngày 19/01/2019, có cơ sở xác định Bà N có vay tiền của Bà H lần lượt với số tiền 100.000.000đ, lãi suất không phần trăm, thời hạn

vay 03 tháng kể từ ngày 11/01/2019 và 30.000.000đ, lãi suất không phần trăm, thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày 19/01/2019, tổng cộng 130.000.000đ (B1 59 – 66).

[3.2] Tại đơn kháng cáo và trình bày tại phiên tòa phúc thẩm, Bà N cho rằng đã trả được số tiền 52.000.000đ, nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh đồng thời Bà H cũng không thừa nhận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà H, buộc Bà N phải trả cho Bà H số tiền 130.000.000đ là đúng quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự, các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự.

[5] Từ những phân tích trên, xét thấy toàn bộ kháng cáo của bị đơn Bà Huỳnh Thị N là không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa là phù hợp với phân tích nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Do không chấp nhận kháng cáo nên Bà N phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 5, khoản 2, 4 Điều 91, khoản 1 Điều 148, các Điều 173, 174, 175, 177, 203 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự;
- Khoản 2 Điều 26 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Bà Huỳnh Thị N.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2021/DS – ST ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Xử:

1. Buộc Bà Huỳnh Thị N phải trả cho Bà Nguyễn Thị H số tiền 130.000.000đ (*một trăm ba mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự:

a. Án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị N phải chịu 6.500.000đ.

Hoàn trả lại cho Bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.250.000đ (*ba triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu số 09979 ngày 07/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

b. Án phí phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị N phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 7194 ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, Bà Huỳnh Thị N đã thi hành xong phần án phí phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THA DS quận Ngũ Hành Sơn;
- VKSND Tp. Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (1b), Tổ nghiệp vụ
- Văn phòng (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Hiếu